

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày 15-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Đào Bích

Bà Dương Quỳnh Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lý Phúc Q**, sinh năm 1978; nơi sinh: huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; đoàn thể, đảng: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 108-QĐ/UBKTHU ngày 05/10/2018 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L); trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Thừa T và bà Lý Thị M (đã chết); có vợ: Lý Thị M1, sinh năm 1979 và 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

2. Họ và tên: **Bàn Văn N**, sinh năm 1981; nơi sinh: huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bàn Tiến Đ, sinh năm 1954 và bà Lý Thị D, sinh năm 1959; có vợ: Triệu Thị K, sinh năm 1983 và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không;

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 05/10/2016, bị Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính về hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác (đến nay chưa chấp hành).

Nhân thân: Ngày 24/3/2015, bị Công an huyện L xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc (đã chấp hành xong ngày 24/4/2015);

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

3. Họ và tên: **Lý Tài K**, sinh năm 1980, nơi sinh: huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 2/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phùng Thừa H và bà Hoàng Thị P (đều đã chết); có vợ: Lý Thị C, sinh năm 1979 và 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; tiền sự: không;

Tiền án: 01 tiền án: Bản án số 10/2015/HSPT ngày 26/3/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Lý Tài K 02 năm 09 tháng tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng, theo Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/10/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

4. Họ và tên: **La Minh T**, sinh năm 1976, nơi sinh: huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 2/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: La Thừa K và bà Đặng Thị N (đều đã chết); có vợ: Lý Thị T, sinh năm 1978 và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

5. Họ và tên: **Lê Ngọc T1**, sinh năm 1990, nơi sinh: huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Trung C (đã chết) và bà Đặng Thị T, sinh năm 1962; có vợ: Lý Thị L, sinh năm 1994 và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

6. Họ và tên: **Chầu Văn H**, sinh năm 1990; nơi sinh: huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chầu Văn T, sinh năm 1955 và bà Hoàng

Thị Q, sinh năm 1959; có vợ: Trương Thị T, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

7. Họ và tên: **Hoàng Văn T2**, sinh năm 1990; nơi sinh: huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1964 và bà Ma Thị T, sinh năm 1965; có vợ: Lương Hồng T, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

8. Họ và tên: **Ma Công Đ**, sinh năm 1989, nơi sinh: huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ma Công Đ, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961; có vợ: Lý Thị M, sinh năm 1991 và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

- *Người làm chứng*

1. Ông Quan Văn P, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

2. Ông Quan Văn B, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

3. Ông Vũ Văn P, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 10/7/2018, Châu Văn H trú tại thôn N, xã K, huyện L, Bàn Văn N trú tại thôn H, xã K, huyện L, Hoàng Văn T2 trú tại thôn N, xã T, huyện L, Quan Văn P và Quan Văn B đều trú tại thôn N, xã K, huyện L cùng nhau ăn sáng tại quán ăn gần Ủy ban nhân dân huyện L. Sau khi ăn sáng xong H, N, T2, P và B cùng rủ nhau đến nhà nghỉ QM thuộc thôn B, xã T, huyện L (Lý Phúc Q là chủ nhà nghỉ) để thuê phòng nghỉ. Sau khi nhận các phòng nghỉ tại tầng 2, H vào phòng số 03, N, P, T2 và B vào phòng số 02, khi vào phòng N nhìn thấy trong phòng có một bộ bài tú

lơ khơ 52 quân bài, N lấy bộ bài cùng P, T2 đánh sâm chơi, còn B không chơi sang phòng số 03 nghỉ. Lúc này khoảng 11 giờ 30 cùng ngày khi N, P, T2 đang đánh sâm thì Lý Phúc Q đến. Thấy vậy Q rủ mọi người đánh bạc, N, T2, P nhất trí cùng Q sang phòng số 04 để đánh bạc, trước khi đánh bạc mọi người thống nhất hình thức đánh bạc (đánh liêng) sát phạt nhau được thua bằng tiền, quy định mỗi ván đặt 10.000đ (*mười nghìn đồng*) đến 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*). Khi Q, N, T2 và P đang đánh bạc thì Quan Văn B đi sang phòng nhưng không tham gia đánh bạc mà lên giường ngủ, được một lúc thì Châu Văn H từ phòng số 03 đến. Lúc này, Quan Văn P thua hết số tiền 60.000đ (*sáu mươi nghìn đồng*) mang theo nên không tham gia đánh bạc nữa rồi đứng dậy rủ B đi về còn H ngồi xuống đánh bạc cùng với Q, N và T2. Một lúc sau thì có Ma Công Đ, trú tại thôn N, Lê Ngọc T1 trú tại thôn V; Lý Tài K trú tại thôn B, La Minh T, trú tại thôn T và Vũ Văn P trú tại thôn N, cùng xã T, huyện L đến, thấy mọi người đang đánh bạc Đ, T1, K, T cùng tham gia đánh bạc còn P không tham gia đánh bạc mà ngồi xem. Quá trình đánh bạc, Q bị thua hết số tiền đánh bạc thì được Đ và T1 cho Q mỗi người 20.000đ (*hai mươi nghìn đồng*) để Q tiếp tục tham gia đánh bạc.

Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, Bàn Văn N, Châu Văn H, Hoàng Văn T2, Lý Phúc Q, Ma Công Đ, Lê Ngọc T1, Lý Tài K và La Minh T đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc có 7.010.000đ (*Bảy triệu không trăm mười nghìn đồng*), 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài là dụng cụ của các bị cáo nêu trên dùng để đánh bạc. Ngoài ra còn tạm giữ trong ví da của Châu Văn H số tiền là 5.500.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo và Quan Văn P khai nhận số tiền sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

Lý Phúc Q sử dụng 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) quá trình đánh bạc bị thua hết, sau đó được T1 và Đ mỗi người cho Q 20.000đ, Q tiếp tục dùng vào việc đánh bạc bị thua hết;

Bàn Văn N sử dụng 1.400.000đ (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) quá trình đánh bạc có ván thắng, có ván thua khi bị bắt đã vứt tiền xuống chiếu bạc;

Lê Ngọc T1 sử dụng 1.350.000đ (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) đánh bạc, quá trình đánh bạc cho Q 20.000đ để Q để đánh bạc, số tiền còn lại để dưới chiếu bạc, đánh nhiều ván đến khi bị bắt bị thu giữ, không xác định được thắng, thua;

La Minh T sử dụng sử dụng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) để đánh bạc đánh nhiều ván đến khi bị bắt đã vứt tiền xuống chiếu bạc, không xác định được thắng, thua;

Hoàng Văn T2 sử dụng 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) quá trình đánh bạc đánh nhiều ván có thắng, có ván thua khi bị bắt đã vứt tiền xuống chiếu bạc;

Ma Công Đ sử dụng 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) đánh bạc, quá trình đánh bạc cho Quang 20.000đ để Quang đánh bạc, đến khi bị bắt bị thua bạc còn lại số tiền 100.000đ vớt xuống chiếu bạc;

Chẫu Văn H sử dụng 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đánh bạc, quá trình đánh bạc, thắng bạc nhưng không xác định được số tiền thắng bạc, đến khi bị bắt đã vớt tiền xuống chiếu bạc;

Lý Tài K sử dụng 80.000đ (*Tám mươi nghìn đồng*) để đánh bạc đánh nhiều ván đến khi bị bắt đã vớt toàn bộ số tiền xuống chiếu bạc, không xác định được thắng, thua;

Quan Văn P sử dụng 60.000đ (*Sáu mươi nghìn đồng*) để đánh bạc, quá trình đánh bạc bị thua hết đi về nhà.

Tổng số tiền các bị cáo và Quan Văn P khai sử dụng vào việc đánh bạc là 5.990.000đ (*Năm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền thu trên chiếu bạc là 7.010.000đ (*Bảy triệu không trăm mười nghìn đồng*), chênh lệch 1.020.000đ (*Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*).

Đối với số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) Cơ quan điều tra đã tạm giữ trong ví da của Chẫu Văn H, quá trình điều tra xác định bị cáo H để sử dụng vào việc mua máy ép mía, không sử dụng vào việc đánh bạc.

Tại phiên tòa các bị cáo Lý Phúc Q, Hoàng Văn T2, Bàn Văn N thay đổi lời khai. Các bị cáo khai: Khi N, T2, P đang đánh sâm thì Q chủ nhà đến, P là người rủ chơi liêng, còn Q là người bảo mọi người sang phòng số 4 để chơi vì phòng số 2 là phòng thờ Q không cho chơi ở đó.

Bản Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 03 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Lý Tài K, La Minh T, Lê Ngọc T1, Chẫu Văn H, Hoàng Văn T2, Ma Công Đ về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Phản tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Lý Tài K, La Minh T, Lê Ngọc T1, Chẫu Văn H, Hoàng Văn T2, Ma Công Đ như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Lý Tài K, La Minh T, Lê Ngọc T1, Chẫu Văn H, Hoàng Văn T2, Ma Công Đ phạm tội Đánh bạc.

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lý Tài K từ 06 đến 08 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018.

2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Lý Phúc Q từ 07 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thử thách từ 14 đến 18 tháng.

Xử phạt: Bị cáo Bàn Văn N từ 08 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo. Thử thách từ 16 đến 20 tháng.

3. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc T1 từ 07 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thử thách từ 14 đến 18 tháng.

Xử phạt: Bị cáo La Minh T từ 07 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thử thách từ 14 đến 18 tháng.

4.Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T2, Ma Công Đ và Châu Văn H mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng Cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Hoàng Văn T2 khai người rủ các bị cáo chơi bạc bằng hình thức đánh liêng là Quan Văn P, Q chỉ là người bảo sang phòng số 4 để chơi. Về hành vi đánh bạc các bị cáo Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Lý Tài K, La Minh T, Lê Ngọc T1, Châu Văn H, Hoàng Văn T2, Ma Công Đ

thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội giữa các bị cáo là phù hợp với nhau, với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng; căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại nhà nghỉ QM thuộc thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Hoàng Văn T2, Châu Văn H, Ma Công Đ, Lê Ngọc T1, Lý Tài K và La Minh T đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh liêng sát phạt nhau được thua bằng tiền, mỗi ván đặt 10.000đ (*Mười nghìn đồng*) đến 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền thu trên chiếu bạc là 7.010.000đ (*Bảy triệu không trăm mười nghìn đồng*). Các bị cáo Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Hoàng Văn T2, Châu Văn H, Ma Công Đ, Lê Ngọc T1, Lý Tài K, La Minh T và Quan Văn P khai tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 5.990.000đ (*Năm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*), số tiền chênh lệch là 1.020.000đ (*Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*). Quá trình điều tra không có bị cáo nào thừa nhận. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.010.000đ (*Bảy triệu không trăm mười nghìn đồng*). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Lý Tài K, La Minh T, Lê Ngọc T1, Châu Văn H, Hoàng Văn T2, Ma Công Đ về tội đánh bạc là đúng người, đúng tội; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, các bị cáo đã đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền sát phạt nhau. Do vậy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn, xét tính chất, mức độ, vai trò và nhân thân của các bị cáo được đánh giá như sau:

Bị cáo Lý Phúc Q là chủ nhà nghỉ QM khi thấy N, P, T2 đang đánh sâm và khi P rủ mọi người đánh bạc bị cáo không can ngăn mà còn bảo các bị cáo sang phòng số 04 để đánh bạc, bị cáo sử dụng 700.000đ đánh bạc. Sau khi bị thua hết tiền, bị cáo được T1 và Đ mỗi người cho 20.000 đồng và tiếp tục dùng vào việc đánh bạc bị thua hết.

Bị cáo Bàn Văn N tham gia đánh bạc rất tích cực từ đầu cho đến khi bị bắt, bị cáo sử dụng 1.400.000 đồng đánh bạc. Số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc lớn nhất trong vụ án.

Bị cáo Lê Ngọc T1 sử dụng 1.350.000đồng đánh bạc, quá trình đánh bạc cho Q 20.000đồng để Q để đánh bạc, số tiền còn lại để dưới chiếu bạc, đánh nhiều ván đến khi bị bắt bị thu giữ, không xác định được thắng, thua.

Bị cáo La Minh T sử dụng 1.000.000đồng để đánh bạc đánh nhiều ván đến khi bị bắt đã vớt tiền xuống chiếu bạc, không xác định được thắng, thua.

Bị cáo Hoàng Văn T2 sử dụng 600.000đồng đánh bạc, đánh nhiều ván có thắng, có ván thua khi bị bắt đã vớt tiền xuống chiếu bạc.

Bị cáo Ma Công Đ sử dụng 500.000đồng đánh bạc, quá trình đánh bạc cho Q 20.000đồng để Q đánh bạc, đến khi bị bắt bị thua bạc còn lại số tiền 100.000đồng vớt xuống chiếu bạc.

Bị cáo Châu Văn H sử dụng 300.000đồng đánh bạc, quá trình đánh bạc, thắng bạc nhưng không xác định được số tiền thắng bạc, đến khi bị bắt đã vớt tiền xuống chiếu bạc.

Bị cáo Lý Tài K sử dụng 80.000đồng để đánh bạc đánh nhiều ván đến khi bị bắt đã vớt toàn bộ số tiền xuống chiếu bạc, không xác định được thắng, thua.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lý Phúc Q, Lý Tài K, La Minh T, Lê Ngọc T1, Ma Công Đ, Châu Văn H, Bàn Văn N, Hoàng Văn T2 là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo và cận nghèo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Hoàng Văn T2, Châu Văn H, Ma Công Đ, Lê Ngọc T1 và La Minh T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bàn Văn N và Lý Phúc Q được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có công giúp cơ quan điều tra phá án lập công chuộc tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Tài K có 01 tiền án: Bản án số 10/2015/HSPT ngày 26/3/2015, Tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt: Lý Tài K 02 năm 09 tháng tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng, theo Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23/9/2014), ngày 23/10/2016 bị cáo mới chấp hành xong hình phạt, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm) quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Bàn Văn N ngày 05/10/2016, bị Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính về hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản

của người khác đến nay chưa chấp hành, lý do hoàn cảnh khó khăn và từ tháng 11/2016 đến nay Cơ quan công an không đơn đốc thi hành, Hội đồng xét xử thấy đã hết thời hiệu, cần áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo. Ngoài ra ngày 24/3/2015, bị cáo bị Công an huyện L xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 24/4/2015, căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “...*người bị xử phạt vi phạm hành chính mà thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 6 tháng*”. Do vậy cần áp dụng theo nguyên tắc có lợi, bị cáo N được coi là chưa bị xử phạt hành chính.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Lê Ngọc T1, La Minh T, Hoàng Văn T2, Ma Công Đ, Châu Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Lê Ngọc T1, La Minh T được hưởng án treo, các bị cáo Hoàng Văn T2, Ma Công Đ, Châu Văn H được cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Do các bị cáo Hoàng Văn T2, Ma Công Đ, Châu Văn H đã bị tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến 13/7/2018 là 4 ngày, nên được khấu trừ vào thời gian chấp hành án (01 ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ).

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lý Phúc Q, Lý Tài K, La Minh T, Lê Ngọc T1, Ma Công Đ, Châu Văn H, Bàn Văn N, Hoàng Văn T2 thuộc hộ nghèo, cận nghèo và là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo.

[5] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử các bị cáo mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát mới phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài lá tú lơ khơ 52 lá bài (đã cũ, đã qua sử dụng). (*Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 08/10/2018*).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.010.000đồng (*Bảy triệu không trăm mười nghìn đồng*) các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đã thu trên chiếu bạc. Đối với số tiền 5.500.000đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) Cơ quan điều tra đã tạm giữ trong ví da của Châu Văn H, quá trình điều tra xác định bị cáo H để sử dụng vào việc mua máy ép mía, không sử dụng vào việc đánh bạc cần phải trả lại

cho bị cáo Châu Văn H. Số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

[7] Đối với Quan Văn P sử dụng số tiền 60.000đồng (*Sáu mươi nghìn đồng*) đồng tham gia đánh bạc cùng với Lý Phúc Q, Bàn Văn N và Hoàng Văn T2, sau đó P không tham gia đánh bạc nữa, còn Q, N, T2 và các đồng phạm khác tiếp tục tham gia đánh bạc.

Tổng số tiền tại thời điểm P, Q, N và T2 sử dụng vào việc đánh bạc có 2.760.000đồng (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Xét thấy số tiền chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt hành chính 1.500.000đồng đối với Quan Văn P về hành vi trên, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Quan Văn B và Vũ Văn P không tham gia đánh bạc. Do đó, không đề cập xử lý.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Về các lễ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 321; Điều 51; Điều 52; Điều 38; Điều 36; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Lý Tài K, La Minh T, Lê Ngọc T1, Châu Văn H, Hoàng Văn T2, Ma Công Đ phạm tội Đánh bạc.

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lý Tài K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018.

2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lý Phúc Q 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 02 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Bàn Văn N 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 04 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc T1 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 02 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo La Minh T 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 02 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lý Phúc Q, Lê Ngọc T1, La Minh T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Bàn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự).

4. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T2 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ vào thời gian tạm giữ (từ 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018 = 12 ngày), bị cáo còn phải chấp hành là 11 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành án của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện L nhận được quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực pháp luật.

Xử phạt: Bị cáo Ma Công Đ 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ vào thời gian tạm giữ (từ 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018 = 12 ngày), bị cáo còn phải chấp hành là 11 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành án của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện L nhận được quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực pháp luật.

Xử phạt: Bị cáo Châu Văn H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ vào thời gian tạm giữ (từ 10/7/2018 đến ngày 13/7/2018 = 12 ngày), bị cáo còn

phải chấp hành là 11 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành án của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện L nhận được quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Hoàng Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án.

Giao bị cáo Châu Văn H cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án.

Giao bị cáo Ma Công Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài lá tú lơ khơ 52 lá bài (đã cũ, đã qua sử dụng). *(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 08/10/2018).*

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.010.000đồng *(Bảy triệu không trăm mười nghìn đồng).*

- Trả lại cho bị cáo Châu Văn H số tiền 5.500.000đồng *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng)* nhưng tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí: Các bị cáo Lý Phúc Q, Bàn Văn N, Lý Tài K, La Minh T, Lê Ngọc T1, Châu Văn H, Hoàng Văn T2, Ma Công Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/11/2018).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- UBKT Huyện ủy L;
- Các bị cáo;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Minh Khánh